



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03618/2025/PKQ (25.1199)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 07/08/2025
Thời gian thử nghiệm: 07/08/2025 – 13/08/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể thu gom nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 5
Toạ độ: X: 1183134 Y: 407956

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	32,1	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	53	SMEWW 2120C:2017
3	pH ^(b)	-	7	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	38	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	78	SMEWW 5220C:2017
6	Asen (As) ^(b)	mg/L	0,0048	SMEWW 3125B:2017
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
8	Chất rắn lơ lửng (SS) ^(b)	mg/L	21	SMEWW 2540D:2017
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	0,0033	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	0,0007	SMEWW 3125B:2017
11	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	0,0546	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	0,3221	SMEWW 3125B:2017
14	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,2175	SMEWW 3125B:2017
15	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,027	SMEWW 3125B:2017
16	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	0,6823	SMEWW 3125B:2017
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
18	CN ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
19	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	1,8	SMEWW 5520B&F:2017

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
21	Sunfua (S^{2-}) ^(b)	mg/L	0,21	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^{-}) ^(b)	mg/L	0,55	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^{+} tính theo N) ^(b)	mg/L	9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
24	Tổng Nito ^(b)	mg/L	14,7	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	0,26	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl^{-}) ^(b)	mg/L	259	SMEWW 4500-Cl-.B:2017
27	Clo dư ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl-.G:2017
28	Coliform ^(b)	MPN/100mL	7×10^4	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 09h40' ngày 07/08/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

KT3-05044BMT5
(MT.2025.05150)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/08/2025
Trang 01 / 03

- Tên mẫu : **NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ - NHÀ MÁY XLNT KCN NHƠN TRẠCH 5**
Thời gian lấy mẫu: 19/08/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 - Dạng mẫu: lỏng;
 - Số đơn vị/mẫu: 02 x 5 L;
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa;
 - Niêm phong: mẫu còn nguyên niêm phong, xem hình chụp đính kèm;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 20/08/2025
- Thời gian thử nghiệm : 20/08/2025 – 29/08/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO**
Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thanh Trung





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn

KT3-05044BMT5
(MT.2025.05150)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/08/2025
Trang 02 / 03

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Độ màu ⁽¹⁾	Pt.Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	19	-
7.2	Độ pH ở 25 °C	-	TCVN 6492:2011	7,3	-
7.3	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10,1	-
7.4	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220D:2023	27,7	-
7.5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2023	6,0	-
7.6	Hàm lượng asen (As) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.7	Hàm lượng thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.8	Hàm lượng Chì (Pb) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3500 Cr B:2023	KPH	0,004
7.11	Hàm lượng Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8 & SMEWW 3500 Cr B:2023	< 0,02 (**)	0,01
7.12	Hàm lượng đồng (Cu) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,05
7.13	Hàm lượng kẽm (Zn) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	0,49	-
7.14	Hàm lượng niken (Ni) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	0,17	-
7.16	Hàm lượng sắt (Fe) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.8	0,24	-
7.17	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,01
7.18	Tổng phenol/ chỉ số phenol ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,015
7.19	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng florua (F ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,2
7.21	Hàm lượng amonium tính theo nitơ (N-NH ₄ ⁺) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH	0,5
7.22	Hàm lượng nitơ tổng ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	8,2	-
7.23	Tổng phospho (P) ⁽¹⁾	mg/L	US EPA 200.7	KPH	0,05
7.24	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4110B:2023	314	-
7.25	Hàm lượng chlorine./ Tổng Clo dư.	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-
7.26	Tổng số coliform ⁽¹⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-05044BMT5
(MT.2025.05150)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/08/2025
Trang 03 / 03

Ghi chú:

(***): Kết quả được biểu thị < 1,8 MPN/100 mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp.

(1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078.

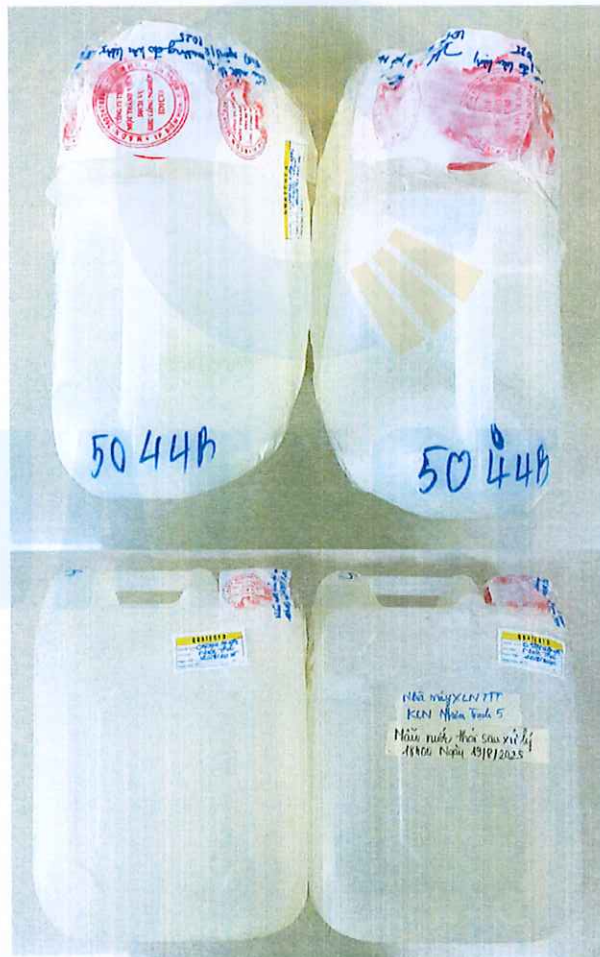
SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

